



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 7 năm 2018

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH**  
**6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2018**  
*(Tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh khóa XVII)*

Xác định nhiệm vụ chính trị thu NSNN, chi NSDP năm 2018 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 18. Ngay từ đầu năm, toàn ngành tài chính đã triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp nhằm hoàn thành tốt dự toán thu và đảm bảo cân đối nguồn lực cho các mục tiêu, nhiệm vụ chi năm 2018. Cùng với sự nỗ lực phấn đấu cao của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, nhiệm vụ tài chính - NSNN 6 tháng đầu năm 2018 cơ bản theo đúng dự toán, tiến độ triển khai thực hiện và đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội. Kết quả cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

**A. Thu NSNN, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018.**

**I. Kết quả thu NSNN trên địa bàn:**

Dự toán thu NSNN năm 2018 là 21.817.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 7.169.128 triệu đồng, đạt 33% dự toán giao, bằng 128% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 21.337.000 triệu đồng, đạt 98% so với dự toán.

**1. Thu nội địa:** Dự toán thu 2018 là 13.142.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 5.253.128 triệu đồng, đạt 40% dự toán và bằng 107% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 13.147.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán. Trong đó:

1.1. Thu tiền sử dụng đất và ghi thu ghi chi tiền thuê đất trả tiền một lần: Dự toán giao thu 2.500.000 triệu đồng. Thực hiện 6 tháng là 1.632.749 triệu đồng, đạt 65% dự toán, bằng 104% so với cùng kỳ. Phấn đấu cả năm đạt 5.000.000 triệu đồng, bằng 200% so với dự toán. Trong đó:

a) Thu tiền sử dụng đất: Dự toán giao thu 2.500.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 1.632.749 triệu đồng, đạt 65% dự toán, bằng 104% so với cùng kỳ. Phấn đấu cả năm đạt 4.000.000 triệu đồng, bằng 160% so với dự toán.

Phần điều tiết NS tỉnh (sau khi loại trừ số ghi thu, ghi chi) thì số thực thu vào ngân sách 6 tháng là 153 tỷ đồng, đạt 61% dự toán, phấn đấu cả năm đạt 500 tỷ đồng.

b) Ghi thu ghi chi tiền thuê đất trả tiền một lần của Dự án nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn: Dự kiến thực hiện là 1.000.000 triệu đồng.

**1.2. Thu xổ số kiến thiết**

Dự toán giao thu 12.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 5.239 triệu đồng, đạt 44% dự toán, bằng 111% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 12.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán.

1.3 Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, thu sở xố kiến thiết:

Dự toán giao thu 10.630.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 3.615.140 triệu đồng, đạt 34% dự toán tình giao và bằng 109% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 8.135.000 triệu đồng, đạt 77% so với dự toán, nếu loại trừ số thu từ Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn và loại trừ số ghi thu ghi chi tiền thuê đất trả tiền một lần thì cả năm ước đạt 96% dự toán ở cả 3 cấp ngân sách.

a) Nhóm đạt, vượt dự toán:

- Thu thuế công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh: Thực hiện 6 tháng là 843.473 triệu đồng, đạt 55% dự toán tình giao, bằng 125% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 1.732.000 triệu đồng, đạt 113% so với dự toán.

- Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 6 tháng là 418.811 triệu đồng, đạt 60% dự toán tình giao, bằng 93% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 710.000 triệu đồng, đạt 102% so với dự toán.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện 6 tháng là 19.538 triệu đồng, đạt 51% dự toán tình giao, bằng 162% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 45.000 triệu đồng, đạt 118% so với dự toán.

- Lệ phí trước bạ: Thực hiện 6 tháng là 300.377 triệu đồng, đạt 48% dự toán tình giao, bằng 130% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 650.000 triệu đồng, đạt 105% so với dự toán.

- Thu phí, lệ phí: Thực hiện 6 tháng là 137.195 triệu đồng, đạt 69% dự toán tình giao, bằng 161% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 240.000 triệu đồng, đạt 120% so với dự toán.

- Thu khác ngân sách: Thực hiện 6 tháng là 247.588 triệu đồng, đạt 60% dự toán tình giao, bằng 170% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 420.400 triệu đồng, đạt 103% so với dự toán.

- Thu tại xã: Thực hiện 6 tháng là 29.632 triệu đồng, đạt 25% dự toán tình giao, bằng 66% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 120.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán.

b) Nhóm dự kiến hụt thu:

- Thu từ khu vực DN nhà nước: Thực hiện 6 tháng là 642.317 triệu đồng, đạt 31% dự toán tình giao, bằng 85% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 1.665.000 triệu đồng, đạt 82% so với dự toán.

- Thu DN có vốn đầu tư nước ngoài: Thực hiện 6 tháng là 349.122 triệu đồng, đạt 10% dự toán giao, bằng 83% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 1.407.000 triệu đồng, đạt 39% so với dự toán.

- Tiền thuê mặt đất, mặt nước: Thực hiện 6 tháng là 141.312 triệu đồng, đạt 40% dự toán tình giao, bằng 86% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 280.000 triệu đồng, đạt 80% so với dự toán.

- Thuế bảo vệ môi trường: Thực hiện 6 tháng là 485.775 triệu đồng, đạt 48% dự toán tình giao, bằng 140% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 865.000 triệu đồng, đạt 85% so với dự toán.

## **2. Các khoản thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**

Dự toán giao 8.675.000 triệu đồng, thực hiện 6 tháng là 1.916.000 triệu đồng, đạt 22% dự toán tính giao và bằng 276% so với cùng kỳ; chủ yếu là từ mặt hàng dầu thô và hóa chất phục vụ cho Dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn; chế phẩm naphtha, dầu DO của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty xăng dầu Quân đội; khí dầu mỏ hóa lỏng Butan của Tổng công ty Khí Việt Nam; các thiết bị, vật tư thay thế của một số doanh nghiệp có dự án đầu tư (Xi măng Công Thanh, Nhà máy sản xuất dầu ăn thực vật; Công ty TNHH Kiều Phát,...). Ước thực hiện cả năm là 8.190.000 triệu đồng, đạt 94% so với dự toán.

*(Chi tiết tại Phụ lục số 1 kèm theo)*

## **3. Tình hình thu ngân sách ở các huyện, thị xã, thành phố:**

Tổng thu 6 tháng khối huyện thực hiện là 3.044.225 triệu đồng, bằng 63% dự toán năm. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, đạt 1.411.476 triệu đồng, bằng 61% dự toán; trong đó:

- Có 23/27 huyện đạt trên 50% dự toán tính giao: Thành phố Thanh Hóa (68%); TX Bỉm Sơn (79%); Hà Trung (61%); Cẩm Thủy (62%);...

- Có 3/27 huyện đạt 50% dự toán tính giao: Quảng Xương, Bá Thước, Quan Hóa.

- Còn lại 1/27 huyện đạt dưới 50% dự toán tính giao và cần phải phấn đấu: Tĩnh Gia (49%).

*(Chi tiết tại Phụ lục số 2 kèm theo)*

## **4. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách:**

### **4.1. Đánh giá chung:**

Năm 2018 có nhiều yếu tố tác động trực tiếp đến kết quả thu NSNN. Nhiều chỉ tiêu thu đạt thấp so với cùng kỳ như: Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thuế bảo vệ môi trường, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, nếu loại trừ số thu liên quan đến sản xuất của Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn và việc chuyển đổi hình thức giữa các loại hình doanh nghiệp thì các lĩnh vực thu đều cơ bản bám sát dự toán giao.

### **4.2. Nguyên nhân tác động đến kết quả thu NSNN:**

#### **a) Các nhân tố tác động tích cực đến thu NSNN:**

- Thu NSNN đón nhận nhiều tín hiệu khả quan: Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, mặt bằng lãi suất, tỷ giá và lạm phát được kiểm soát; chỉ số giá tiêu dùng tháng 5 tăng 1,71% so với tháng 12/2017 và tăng 4,08% so với cùng kỳ, bình quân 5 tháng tăng 3,32% so với cùng kỳ; một số dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh được chủ đầu tư và nhà thầu tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thi công đã hoàn thành đưa vào sử dụng tạo động lực cho phát triển kinh tế và tăng nguồn thu cho ngân sách (Công ty xi măng Long Sơn - dây chuyền 2, Thủy điện Trung Sơn, các nhà máy may tại Triệu Sơn, Đông Sơn, Như Thanh,...).

- Sự quan tâm chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách. UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/4/2018 về việc tăng cường thực hiện một số giải

pháp cấp bách nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch thu NSNN năm 2018; Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch Đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2018; Kế hoạch 79/KH-UBND ngày 09/4/2018 về chống thất thu thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh;... là cơ sở để các cấp, các ngành triển khai các giải pháp nhằm huy động kịp thời nguồn thu vào ngân sách nhà nước trong năm 2018.

- Ngành thuế đã triển khai có hiệu quả các Đề án chống thất thu: Đề án tăng cường công tác quản lý, chống thất thu thuế đối với hộ kinh doanh; Đề án thí điểm giám sát khai thuế đối với hoạt động khai thác cát, đá tự nhiên tại huyện Yên Định, Thọ Xuân, Thiệu Hóa và tiến tới xem xét mở rộng trên địa bàn toàn tỉnh; Đề án nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế.

- Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp thu hồi nợ thuế, đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế; đồng thời đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuế nhằm huy động kịp thời nguồn thu vào ngân sách và giúp giảm nợ đọng thuế.

b) Các nhân tố tác động làm giảm thu ngân sách:

- Tiến độ vận hành của Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn: Bộ Tài chính giao dự toán thu từ Dự án nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn là 10.310 tỷ đồng (thuế tiêu thụ đặc biệt là 2.745 tỷ đồng, thuế bảo vệ môi trường của xăng dầu tiêu dùng nội bộ là 255 tỷ đồng và thuế GTGT khâu nhập khẩu là 7.310 tỷ đồng), chiếm 47% tổng dự toán thu năm 2018 nên tiến độ vận hành của Nhà máy ảnh hưởng rất lớn đến thực hiện dự toán thu ngân sách của tỉnh, đặc biệt là ở lĩnh vực thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thuế bảo vệ môi trường và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Hiện nay, số thu ước thực hiện năm 2018 đang tính theo kịch bản: Dự kiến Nhà máy sẽ đi vào hoạt động từ tháng 5/2018 với công suất bằng 60% công suất thiết kế, số lượng dầu thô nhập khẩu là 22/30 chuyến.

- Kế hoạch đấu giá tiền sử dụng đất các đơn vị, địa phương triển khai chậm, đặc biệt là một số dự án lớn trên địa bàn thành phố, thị xã có điều tiết về ngân sách tỉnh.

- Một số doanh nghiệp đã nộp trước tiền thuế phát sinh vào năm 2017 tương ứng số thu 27 tỷ đồng.

- Một số doanh nghiệp nộp ngân sách trọng điểm, chủ lực của tỉnh (bia, thuốc lá, xi măng, đường) có tình hình sản xuất gặp khó khăn, sản lượng tiêu thụ chậm, giá bán giảm, thị phần cạnh tranh gay gắt dẫn đến số thu nộp ngân sách đạt thấp.

- Một số doanh nghiệp trọng điểm mua sắm TSCĐ lớn nên trong những tháng đầu năm không phát sinh thuế GTGT phải nộp (Công ty Thủy điện Trung Sơn, Công ty xi măng Nghi Sơn).

*Tình hình trên cho thấy, nhiệm vụ thu NSNN các tháng cuối năm 2018 còn nhiều khó khăn và cần phải tập trung để khai thác nguồn thu, thu hồi thuế nợ đọng để hoàn thành dự toán thu cân đối và bù đắp cho hụt thu từ Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn.*

## **II. Về chi NSDP 6 tháng đầu năm 2018:**

### **1. Kết quả thực hiện:**

Tổng chi NSDP thực hiện 6 tháng là 13.419.209 triệu đồng, đạt 48% so với dự toán. Ước thực hiện cả năm là 29.276.040 triệu đồng, đạt 104% dự toán (tăng 4% do thực hiện các chính sách, chương trình được chuyển nhiệm vụ chi từ năm trước sang, một số chính sách được Trung ương bổ sung trong năm và tăng huy động nguồn thu từ đất để chi đầu tư phát triển).

Chi tiết từng lĩnh vực như sau:

1.1. Chi đầu tư phát triển: Thực hiện 6 tháng là 3.434.516 triệu đồng, đạt 51% dự toán giao đầu năm.

1.2. Chi thường xuyên: Thực hiện 6 tháng là 9.718.003 triệu đồng, đạt 48% dự toán. Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: Thực hiện 6 tháng là 1.141.342 triệu đồng, đạt 52% dự toán.

- Chi sự nghiệp GD-ĐT dạy nghề: Thực hiện 6 tháng là 4.230.720 triệu đồng, đạt 48% dự toán.

- Chi sự nghiệp y tế: Thực hiện 6 tháng là 1.329.683 triệu đồng, đạt 51% dự toán.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: Thực hiện 6 tháng là 696.264 triệu đồng, đạt 49% dự toán.

- Chi quản lý hành chính: Thực hiện 6 tháng là 1.758.851 triệu đồng, đạt 49% dự toán.

- Chi quốc phòng địa phương: Thực hiện 6 tháng là 112.207 triệu đồng, đạt 50% dự toán.

1.3. Chi nguồn Trung ương bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện 6 tháng là 216.811 triệu đồng, bằng 34% so với dự toán.

1.4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 3.230 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

1.5. Chi dự phòng ngân sách: Thực hiện 6 tháng là 46.648 triệu đồng, đạt 10% dự toán.

*(Có biểu chi tiết số 3 kèm theo)*

### **2. Đánh giá tình hình thực hiện chi NSDP 6 tháng đầu năm.**

2.1. Một số kết quả đạt được:

a) Chi Đầu tư XDCCB:

Ngay từ đầu năm đã thực hiện phân bổ và thông báo vốn đầu tư XDCCB trong cân đối, vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu đủ điều kiện giao vốn cho các dự án, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư có nguồn kinh phí để sớm triển khai thực hiện dự án (tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách tỉnh là 1.388 tỷ đồng, đã giao 1.278 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch, vốn còn lại chưa giao 110 tỷ đồng).

b) Chi thường xuyên:

- Năm 2018, cùng với nhóm các chế độ, chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội, các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội cũng đã được các ngành tích cực phối hợp phân bổ chi tiết ngay từ dự toán đầu năm

góp phần đưa dòng tiền vào lưu thông, sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định đời sống người dân trên địa bàn. Việc phân bổ kinh phí đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng và phù hợp với quy định hiện hành.

Thực hiện mua thẻ BHYT cho đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dưới 06 tuổi,... (1.328 tỷ đồng); trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội (948 tỷ đồng); tặng 101.675 suất quà cho người có công nhân dịp Tết Nguyên đán (15 tỷ đồng); hỗ trợ tiền điện cho 138.174 hộ nghèo, hộ chính sách (51 tỷ đồng); hỗ trợ học phí và chi phí học tập cho các đối tượng chính sách (135 tỷ đồng);...

Thực hiện hỗ trợ 356.233 ha diện tích tưới tiêu với kinh phí 373 tỷ đồng; chính sách khuyến khích tái cơ cấu ngành nông nghiệp (hỗ trợ 23,2 km kênh mương, 23,3km giao thông nội đồng, 69 ha sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh và 114.000m<sup>2</sup> sản xuất rau an toàn trong nhà lưới, hạ tầng 6 khu trang trại chăn nuôi quy mô lớn,... với kinh phí 122 tỷ đồng); chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng vật nuôi (hỗ trợ 340 ha diện tích sản xuất hạt giống lúa lai F1 và 1.631 ha diện tích hạt giống lúa thuần chất lượng, lưu giữ đàn lợn giống ông bà 2.060 con,... với kinh phí 17 tỷ đồng); hỗ trợ cứng hóa 167 km đường xã và 326 km đường bản nông thôn với kinh phí 112 tỷ đồng;...

- Thực hiện nghiêm việc mua sắm tài sản công theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 2850/BTC-QLCS ngày 14/3/2018 về việc hướng dẫn mua sắm tài sản công từ nguồn NSNN năm 2018, Công văn số 3515/BTC-QLCS ngày 28/3/2018 về việc xử lý một số vấn đề chuyển tiếp trong quản lý, sử dụng tài sản công.

- Xử lý kịp thời các nghiệp vụ khóa sổ cuối năm 2017 để chuyển nhiệm vụ chi sang năm 2018 theo quy định mới của Luật NSNN năm 2015 nhằm đảm bảo nguồn thực hiện các chế độ, chính sách chuyển tiếp giữa các năm.

## **2.2. Một số khó khăn, hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân:**

### **a) Về chi đầu tư XD/CB:**

- Một số nguồn vốn, chương trình mới được giao kế hoạch chi tiết nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân chung vốn đầu tư công của cả tỉnh.

- Việc thu hồi ứng đối với những dự án có số dư ứng lâu từ năm 2014 về trước còn gặp nhiều khó khăn. Tính đến ngày 31/5/2017, tổng dư ứng vốn kế hoạch năm 2014 trở về trước là 111.875 triệu đồng. Nguyên nhân do công tác bồi thường GPMB ở một số dự án còn chậm, kéo dài đã tác động đến tiến độ thi công và thu hồi hoàn ứng; một số dự án đã hết thời gian hợp đồng, đã thanh lý hợp đồng; một số nhà thầu chưa tích cực phối hợp để hoàn thành các thủ tục thanh, quyết toán, hoàn ứng vốn kịp thời,...

### **b) Chi thường xuyên:**

- Một số chính sách đã ghi trong dự toán đầu năm nhưng hiện nay chưa đủ điều kiện giao vốn: Đề án xây dựng chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh (Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch tiến độ triển khai thực hiện theo Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 11/4/2018); Chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư vào khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp (phân bổ kinh phí khi phát sinh nội dung và có đầy đủ hồ sơ), kinh phí hỗ trợ sản xuất vụ đông (phân bổ kinh phí khi đến vụ sản xuất), kinh phí

thực hiện đề án tăng cường quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020 (phân bổ khi phát sinh nội dung).

- Kinh phí chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng năm 2017 hiện nay Trung ương chưa bổ sung nên địa phương đang tạm ứng từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện.

*Nhìn chung, hoạt động tài chính - ngân sách 6 tháng đã đáp ứng được dự toán giao, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, ổn định an ninh chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo các hoạt động thường xuyên của bộ máy nhà nước các cấp.*

## **B. Giải pháp hoàn thành dự toán năm 2018:**

### **I. Nhiệm vụ thu, chi NSNN 6 tháng cuối năm:**

- |                                 |                 |
|---------------------------------|-----------------|
| 1. Nhiệm vụ thu nội địa:        | 7.900 tỷ đồng.  |
| Trong đó: Thu tiền sử dụng đất: | 2.400 tỷ đồng.  |
| 2. Chi NSDP 6 tháng cuối năm:   | 15.856 tỷ đồng. |

### **II. Giải pháp hoàn thành dự toán:**

**1. Triển khai quyết liệt công tác thu NSNN, phấn đấu hoàn thành dự toán được giao:** Các ngành, các cấp thực hiện tốt Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện một số giải pháp cấp bách nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch thu NSNN năm 2018, trong đó tập trung:

a) Tổ chức thực hiện tốt các luật thuế, phí và lệ phí; đẩy mạnh cải cách hành chính nói chung và thủ tục hành chính thuế nói riêng.

b) Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, tạo nguồn thu mới:

- Tăng cường công tác xúc tiến, vận động thu hút đầu tư vào tỉnh, tạo môi trường cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản xuất và đổi mới công nghệ.

- Phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan nắm bắt thông tin, đầu mối, làm việc với doanh nghiệp, nhà đầu tư để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công trình đang triển khai.

c) Chống thất thu ngân sách:

- Theo dõi sát tình hình thu của từng đơn vị; rà soát, phân tích báo cáo kịp thời các yếu tố tác động đến số thu của từng đơn vị, đặc biệt là các doanh nghiệp trọng điểm như bia, thuốc lá, xi măng và các Công ty Thủy điện như Trung Sơn, Hội Xuân,... để kịp thời đề ra các giải pháp huy động nguồn thu vào NSNN cũng như đề xuất những giải pháp tăng thu.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Đề án quản lý thu để tăng cường chống thất thu thuế và giảm nợ đọng thuế. Xây dựng Quy chế phối hợp và phần mềm quản lý thuế khách sạn, nhà nghỉ trên địa bàn TP Sầm Sơn qua Website để quản lý, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Phối hợp với Đài phát thanh – Truyền hình Thanh Hóa và Báo Thanh Hóa đẩy mạnh công tác thông tin người nộp thuế từ 5 triệu đồng trở lên trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tiếp tục đôn đốc quyết liệt người nộp thuế nộp tiền thuế nợ, tập trung số nợ phát sinh sau thanh tra, kiểm tra; áp dụng đầy đủ các biện pháp để thu hồi nợ đọng thuế; phối hợp với Tòa án để mở thủ tục phá sản đối với các doanh nghiệp có số nợ thuế kéo dài, chậm.

- Kiểm tra toàn bộ hồ sơ phân loại thuế đối với các trường hợp phân loại vào nhóm thuế nợ khó thu, nợ đang xử lý, nợ đang điều chỉnh để phân loại nợ chính xác, đúng tính chất để đề ra biện pháp thu nợ phù hợp.

- Tổ chức rà soát các doanh nghiệp ở tỉnh ngoài đầu tư vào tỉnh nhưng chỉ thành lập văn phòng đại diện, hạch toán phụ thuộc vào công ty mẹ để có giải pháp khuyến khích doanh nghiệp mở chi nhánh tại Thanh Hóa, hạch toán độc lập để vừa đảm bảo quyền của doanh nghiệp trong việc đăng ký kê khai nộp thuế, đồng thời tăng cường nguồn thu cho ngân sách tỉnh. Đối với các dự án mới, cần có khuyến nghị thành lập chi nhánh hoặc công ty tại Thanh Hóa, thực hiện hạch toán độc lập ngay từ bước chấp thuận chủ trương đầu tư, đăng ký doanh nghiệp để tăng thu cho ngân sách tỉnh.

d) Đối với thu tiền sử dụng đất: Căn cứ Quyết định số 607/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa ngày 12/02/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch Đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2018, tiếp tục khẩn trương thực hiện các bước tiếp theo để đấu giá, đấu thầu quyền sử dụng đất nhằm huy động kịp thời nguồn thu vào NSNN.

## **2. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; trong phạm vi dự toán được giao và khả năng thu ngân sách; thực hiện chi trả kịp thời chế độ an sinh xã hội cho các đối tượng.**

Các ngành, các cấp chủ động sắp xếp, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm dự toán chi ngân sách đã được giao. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các khoản chi ngân sách trong phạm vi quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo sử dụng vốn NSNN đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chế độ, chính sách đối với người có công; đóng kịp thời, đúng, đủ các khoản bảo hiểm xã hội phát sinh nhằm bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Những nhiệm vụ phát sinh trong năm các đơn vị, địa phương phải chủ động cân đối trong dự toán được giao đầu năm để thực hiện (trừ trường hợp cần thiết cấp bách phải sử dụng dự phòng ngân sách hoặc bổ sung nhiệm vụ đột xuất theo chỉ đạo của trung ương và của tỉnh).

Đối với Đề án xây dựng chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh: Các ngành tiếp tục khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án nhằm phân đấu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn giao trước 31/12/2018 theo kế hoạch tiến độ tại Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.



### **3. Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư XDCCB:**

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2018, đặc biệt là các dự án thuộc CTMTQG và các dự án mới được giao vốn. Phần đầu đến 31/12/2018 giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đã giao trong niên độ ngân sách năm 2018.

- Các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc quy định ứng vốn và hoàn trả vốn ứng. UBND các huyện, thị xã, thành phố phải tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác GPMB phục vụ các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn để bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư đúng quy định. Đối với dự án có dư ứng đã lâu và số dư ứng lớn phải khẩn trương thực hiện các thủ tục để hoàn ứng, nhất là các khoản tạm ứng từ năm 2014 trở về trước theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4890/UBND-KTTC ngày 07/5/2018 về biện pháp thu hồi tạm ứng vốn đầu tư đối với các công trình, dự án.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm và giải pháp thực hiện dự toán năm 2018./.

**UBND TỈNH THANH HÓA**

## BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2018

(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP 6 tháng năm 2018)

ĐVT: trđ

TT	Nội dung	DT thu năm 2018				Thu NSNN 6 tháng	So sánh 6 tháng		Ước thu năm 2018				So sánh UTH cả năm/D T giao
		Tổng	Phân chia				TH/DT giao	TH/cùng kỳ	Tổng	Phân chia			
			NSTW	NS địa phương						NSTW	NS địa phương		
				NS cấp tỉnh	NS cấp H, X						NS cấp tỉnh	NS cấp H, X	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>Tổng thu NSNN (A+B)</b>	<b>21.817.000</b>	<b>12.337.100</b>	<b>5.180.181</b>	<b>4.299.719</b>	<b>7.169.128</b>	<b>33%</b>	<b>128%</b>	<b>21.337.000</b>	<b>9.672.101</b>	<b>5.761.004</b>	<b>5.903.895</b>	<b>98%</b>
<b>A</b>	<b>Thu nội địa (I+II)</b>	<b>13.142.000</b>	<b>3.662.100</b>	<b>5.180.181</b>	<b>4.299.719</b>	<b>5.253.128</b>	<b>40%</b>	<b>107%</b>	<b>13.147.000</b>	<b>1.482.101</b>	<b>5.761.004</b>	<b>5.903.895</b>	<b>100%</b>
<b>I</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất và ghi thu ghi chi tiền thuê đất trả tiền một lần</b>	<b>2.500.000</b>		<b>250.000</b>	<b>2.250.000</b>	<b>1.632.749</b>	<b>65%</b>	<b>104%</b>	<b>5.000.000</b>		<b>1.500.000</b>	<b>3.500.000</b>	<b>200%</b>
<b>II</b>	<b>Thu xổ số kiến thiết</b>	<b>12.000</b>		<b>12.000</b>		<b>5.239</b>	<b>44%</b>	<b>111%</b>	<b>12.000</b>		<b>12.000</b>		<b>100%</b>
<b>III</b>	<b>Thu N.địa trừ TSD đất, XS</b>	<b>10.630.000</b>	<b>3.662.100</b>	<b>4.918.181</b>	<b>2.049.719</b>	<b>3.615.140</b>	<b>34%</b>	<b>109%</b>	<b>8.135.000</b>	<b>1.482.101</b>	<b>4.249.004</b>	<b>2.403.895</b>	<b>77%</b>
1	Thu từ DN nhà nước	2.040.000		1.980.190	59.810	642.317	31%	85%	1.665.000		1.583.807	81.193	82%
-	Thu từ DN nhà nước TW	1.820.000		1.763.590	56.410	583.739	32%	88%	1.510.000		1.455.916	54.084	83%
-	Thu từ DN nhà nước ĐP	220.000		216.600	3.400	58.578	27%	65%	155.000		127.892	27.108	70%
2	Thu từ DN có vốn ĐT NN	3.604.000	2.745.000	857.500	1.500	349.122	10%	83%	1.407.000	797.000	608.935	1.065	39%
3	Thu thuế CTN&DV NQD	1.530.000		669.800	860.200	843.473	55%	125%	1.732.000		823.739	908.261	113%
4	Thuế thu nhập cá nhân	698.000		505.000	193.000	418.811	60%	93%	710.000		538.894	171.106	102%
5	Thuế SD đất phi NN	38.000		3.149	34.851	19.538	51%	162%	45.000		10.435	34.565	118%
6	Tiền thuê mặt đất mặt nước	350.000		260.875	89.125	141.312	40%	86%	280.000		62.524	217.476	80%
7	Lệ phí trước bạ	620.000		87.200	532.800	300.377	48%	130%	650.000		82.202	567.798	105%
8	Thu phí, lệ phí	200.000	72.000	16.981	111.019	137.195	69%	161%	240.000	58.903	26.488	154.609	120%
9	Thu khác NS	410.000	204.500	158.086	47.414	247.588	60%	170%	421.000	128.114	145.064	147.822	103%
10	Thu tại xã	120.000			120.000	29.632	25%	66%	120.000			120.000	100%
11	Thuế bảo vệ môi trường	1.020.000	640.600	379.400		485.775	48%	140%	865.000	498.084	366.916		85%
<b>B</b>	<b>Thu từ hoạt động XN khẩu</b>	<b>8.675.000</b>	<b>8.675.000</b>			<b>1.916.000</b>	<b>22%</b>	<b>276%</b>	<b>8.190.000</b>	<b>8.190.000</b>			<b>94%</b>
1	Thuế XNK, TTĐB, BVMT hàng nhập khẩu	475.000	475.000			474.000	100%	194%	910.000	910.000			192%
2	Thuế VAT hàng nhập khẩu	8.200.000	8.200.000			1.442.000	18%	321%	7.280.000	7.280.000			89%

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NSNN, CHI NSDP 6 THÁNG NĂM 2018 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ, TP**  
(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP 6 tháng năm 2018)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước								SS TH/DT(%)		Chi NS huyện		
		Dự toán thu NSNN tính giao	Trong đó			Thực hiện 6 tháng	Trong đó			Tổng thu NSNN	Thu NSNN đã loại trừ thu tiền SDD	Dự toán NSHX tính giao	Thực hiện chi NS huyện 6 tháng	SS TH/DT (%)
			Thu tiền SDD	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác	Thu tại xã		Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác	Thu tại xã					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10	11	12	13
	<b>Tổng số</b>	<b>4.805.222</b>	<b>2.500.000</b>	<b>2.185.222</b>	<b>120.000</b>	<b>3.044.225</b>	<b>1.632.749</b>	<b>1.381.844</b>	<b>29.632</b>	<b>63%</b>	<b>61%</b>	<b>15.252.479</b>	<b>8.447.915</b>	<b>55%</b>
1	TP. Thanh Hóa	1.639.245	860.000	771.745	7.500	875.179	343.105	530.433	1.641	53%	68%	1.601.030	878.052	55%
2	TP. Sầm Sơn	438.817	310.000	125.317	3.500	146.406	73.830	70.933	1.643	33%	56%	576.592	320.520	56%
3	TX. Bìn Sơn	193.531	20.000	170.031	3.500	144.863	8.134	136.397	332	75%	79%	220.726	117.685	53%
4	H. Hà Trung	148.739	70.000	72.139	6.600	86.401	38.608	45.331	2.462	58%	61%	452.844	260.250	57%
5	H. Nga Sơn	195.301	150.000	38.301	7.000	152.847	128.098	24.154	595	78%	55%	636.078	340.625	54%
6	H. Hậu Lộc	139.275	90.000	45.575	3.700	118.348	91.975	26.104	269	85%	54%	641.236	360.860	56%
7	H. Hoằng Hóa	203.235	120.000	72.235	11.000	277.907	235.463	41.478	966	137%	51%	842.267	520.680	62%
8	Quảng Xương	145.000	90.000	49.500	5.500	147.010	119.476	27.172	362	101%	50%	632.742	346.540	55%
9	H. Tĩnh Gia	252.164	90.000	155.164	7.000	131.960	52.616	77.829	1.515	52%	49%	870.238	490.850	56%
10	Nông Cống	101.603	50.000	45.403	6.200	96.607	69.883	25.409	1.315	95%	52%	562.017	345.250	61%
11	H. Đông Sơn	106.500	65.000	39.300	2.200	64.032	42.087	21.485	460	60%	53%	323.637	180.680	56%
12	H. Triệu Sơn	144.850	80.000	59.850	5.000	82.522	48.463	33.453	606	57%	53%	699.628	378.256	54%
13	H Thọ Xuân	189.139	110.000	67.639	11.500	132.532	84.135	44.553	3.844	70%	61%	836.555	473.400	57%
14	H. Yên Định	216.663	120.000	85.163	11.500	137.981	78.368	58.495	1.118	64%	62%	600.965	325.032	54%
15	H. Thiệu Hóa	147.702	100.000	41.202	6.500	70.903	45.371	24.449	1.083	48%	54%	533.347	286.222	54%
16	H. Vĩnh Lộc	67.327	40.000	24.327	3.000	78.064	64.032	13.477	555	116%	51%	367.065	221.916	60%
17	Thạch Thành	63.433	25.000	32.433	6.000	38.423	17.481	18.228	2.714	61%	54%	590.423	322.520	55%
18	H. Cẩm Thủy	72.535	30.000	36.535	6.000	44.120	17.948	20.772	5.401	61%	62%	453.914	240.260	53%
19	H. Ngọc Lặc	53.744	20.000	30.644	3.100	30.741	13.211	16.691	839	57%	52%	562.743	301.200	54%
20	Như Thanh	65.340	32.000	32.340	1.000	58.032	33.533	24.447	52	89%	73%	479.231	250.250	52%
21	Lang Chánh	11.662		11.612	50	10.967	4.446	6.520	1	94%	56%	301.821	160.230	53%
22	Bá Thước	30.134	3.000	26.684	450	16.204	2.535	13.594	75	54%	50%	544.679	280.520	52%
23	Quan Hóa	55.865		55.665	200	28.106	30	27.647	429	50%	50%	351.004	175.325	50%
24	Thường Xuân	55.216	15.000	40.016	200	34.865	12.201	22.549	115	63%	56%	575.111	308.443	54%
25	Như Xuân	44.738	10.000	33.938	800	24.669	6.712	17.462	495	55%	52%	404.542	235.715	58%
26	H. Mường Lát	8.439		8.239	200	5.560	240	5.320	0	66%	63%	282.177	150.482	53%
27	H. Quan Sơn	15.025		14.225	800	8.977	768	7.463	746	60%	55%	309.867	176.152	57%

## BÁO CÁO THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THÁNG 6 NĂM 2018

(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP 6 tháng năm 2018)

Đơn vị tính : triệu đồng

TT	Chi tiêu	Tổng nguồn năm 2018	Dự toán			Thực hiện 6 tháng	Nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm	So sánh	
			Dự toán đầu năm	TW bổ sung	Nguồn 2017 chuyển sang			TH/DT đầu năm	TH/tổng nguồn
	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>29.276.040</b>	<b>27.991.609</b>	<b>101.660</b>	<b>1.182.771</b>	<b>13.419.209</b>	<b>15.856.831</b>	<b>48%</b>	<b>46%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>6.833.670</b>	<b>6.761.122</b>		<b>72.548</b>	<b>3.434.516</b>	<b>3.399.154</b>	<b>51%</b>	<b>50%</b>
1	Chi đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh	3.950.778	3.900.460		50.318	2.344.497	1.606.281	60%	59%
-	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	1.388.460	1.388.460			782.257	606.203	56%	56%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền SD đất	2.550.318	2.500.000		50.318	1.556.706	993.612	62%	61%
-	Chi đầu tư từ nguồn xổ số	12.000	12.000			5.534	6.466	46%	46%
2	Chi đầu tư nguồn vốn TW bổ sung	2.882.892	2.860.662		22.230	1.090.019	1.792.873	38%	38%
-	Các CTMTQG	729.480	707.410		22.070	170.653	558.827	24%	23%
-	Vốn trái phiếu chính phủ	470.000	470.000			290.000	180.000	62%	62%
-	Vốn trong nước	1.226.519	1.226.359		160	471.635	754.884	38%	38%
-	Vốn nước ngoài	456.893	456.893			157.730	299.163	35%	35%
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>21.176.935</b>	<b>20.114.462</b>	<b>77.660</b>	<b>984.813</b>	<b>9.718.003</b>	<b>11.458.932</b>	<b>48%</b>	<b>46%</b>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	2.498.128	2.191.597	77.660	228.871	1.141.342	1.356.786	52%	46%
2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo dạy nghề	9.053.190	8.840.497		212.693	4.230.720	4.822.470	48%	47%
3	Chi SN Y Tế	2.834.665	2.632.365		202.300	1.329.683	1.504.983	51%	47%
4	Chi quản lý hành chính	3.592.564	3.592.302		262	1.758.851	1.833.713	49%	49%
5	Chi SN VH-TT-TD-PTTH	554.473	503.932		50.541	165.563	388.910	33%	30%
6	Chi SN đảm bảo XH	1.554.492	1.414.169		140.323	696.264	858.228	49%	45%
7	SN KH công nghệ	117.387	117.387			23.835	93.552	20%	20%
8	Sự nghiệp môi trường	485.298	377.821		107.477	145.382	339.916	38%	30%
9	Chi quốc phòng địa phương	224.712	224.266		446	112.207	112.505	50%	50%
10	Chi an ninh địa phương	153.521	111.621		41.900	40.811	112.711	37%	27%
11	Chi khác NS	108.505	108.505			73.346	35.160	68%	68%
<b>III</b>	<b>Bổ sung quỹ DTTC</b>	<b>3.230</b>	<b>3.230</b>			<b>3.230</b>		<b>100%</b>	<b>100%</b>
<b>IV</b>	<b>Dự phòng NS</b>	<b>493.175</b>	<b>479.010</b>		<b>14.165</b>	<b>46.648</b>	<b>446.527</b>	<b>10%</b>	<b>9%</b>
<b>V</b>	<b>Chi nguồn TW bổ sung vốn SN</b>	<b>769.030</b>	<b>633.785</b>	<b>24.000</b>	<b>111.245</b>	<b>216.811</b>	<b>552.219</b>	<b>34%</b>	<b>28%</b>
1	Thực hiện chế độ chính sách và CTMT	442.090	319.622	24.000	98.468	141.767	300.323	44%	32%
2	Chương trình giảm nghèo bền vững	152.478	149.363		3.115	38.120	114.359	26%	25%
3	Chương trình nông thôn mới	174.462	164.800		9.662	36.925	137.537	22%	21%

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH***(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP 6 tháng năm 2018)*

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tờ trình, Quyết định		
		Số TTr, QĐ	Ngày TTr, QĐ	Số tiền
1	<b>Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh</b>			<b>284.407</b>
2	<b>Nội dung thực hiện</b>			<b>11.662</b>
-	Hỗ trợ khôi phục sản xuất cho ngư dân gặp rủi ro do thiên tai gây ra trong khi hoạt động trên biển năm 2018	1566/QĐ-UBND	3/5/2018	1.075
-	KP mua hoàn trả lại vật tư dự trữ phòng chống lụt bão của nhà nước	1858/QĐ-UBND	21/5/2018	587
-	KP xử lý khẩn cấp tuyến đê chắn sóng và khu neo đậu tạm phục vụ neo đậu tàu thuyền ngư dân xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia	2063/STC-QLNS.TTK	5/6/2018	10.000
3	<b>Nguồn dự phòng còn lại</b>			<b>272.745</b>